TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 432/2025/HS-PT
Ngày: 22-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Hà

2/ Ông Vũ Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 335/2025/TLPT-HS, ngày 18/7/2025 đối với bị cáo Lê N N1, Nguyễn Hữu A T1, Phạm T H11, Trần Thị T T2, Nguyễn T T3, Hồ Thị T D1, Nguyễn T L, Nguyễn V B và Trần N A1 do có kháng cáo của các bị cáo trên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 113/2025/HS-ST, ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận A (nay là Tòa án nhân dân khu vực B), Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4174/2025/QĐXXPT-HS ngày 31/7/2025 và Thông báo hoãn phiên tòa số 13374/2025/HSST-QĐ ngày 11/8/2025.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Lê N N, sinh ngày 18/02/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê B D2 và bà Đinh Thị H H2; Có vợ là Nguyễn H T4 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh 2024; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2023 đến ngày 27/9/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt)

2. Nguyễn Hữu A T1, sinh năm 23/9/1986 tại Lâm Đồng; Thường trú: phường L, thành phố M, tỉnh Lâm Đồng (nay là phường B, Lâm Đồng);Tạm trú:

Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn H A2 và bà Trịnh Thị K P; có vợ là Trần Thị B T5; 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. Phạm T H1, sinh năm 15/4/1978 tại tỉnh Vĩnh Long; Thường trú: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh); Tạm trú: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Thợ làm móng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm H N2 (chết) và bà Lê T N3; bị cáo không có chồng; có 02 con (lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

4. Trần Thị T T2, sinh ngày 01/01/1972 tại tỉnh An Giang; Thường trú: xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là xã V, An Giang); Tạm trú: xã M, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần V S (chết) và bà Võ T D3 (chết); chồng là Đoàn V H2; có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án: Ngày 23/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tuyên phạt 25 triệu đồng về tội "Đánh bạc" (Bản án số 86/2016/HSST), bị cáo chưa thi hành hình phạt, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

5. Nguyễn T T3, sinh ngày 07/02/1988 tại tỉnh Sóc Trăng; Thường trú: phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T C (chết) và bà Trần T L; chồng là Bùi T P và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

6. Hồ Thị T D, sinh năm 01/01/1979 tại tỉnh Sóc Trăng; Thường trú: xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, Đồng Tháp); Tạm trú: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ V Đ (chết) và bà Lương T T6 (chết); chồng là Nguyễn V T7 và 02 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

7. Nguyễn T L, sinh năm 07/5/1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); Tạm trú: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn V L2 (chết) và bà Mai T H3; hoàn cảnh gia đình: Có 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (Vắng mặt).

8. Nguyễn V B, sinh năm 01/01/1973 tại Đồng Tháp; Thường trú: xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); Tạm trú: Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn V C2 và bà Hà T M2 (chết); hoàn cảnh gia đình: Có vợ là Nguyễn T B2 và 01 con sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt

9. **Trần N A,** sinh năm 10/10/1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần X V và bà Nguyễn Thị N A3 (chết); hoàn cảnh gia đình: có chồng và 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 18/7/2024, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An tuyên phạt 40 triệu đồng về tội "Đánh bạc" (Bản án số 45/2024/HSST);

Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Trong vụ án còn có bị cáo Liêu C L2 không kháng cáo, vụ án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài nên từ khoảng ngày 16/01/2023 (ngày 25 Tết âm lịch), Lê N N đứng ra tổ chức đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào Ấn Độ và binh xập xám ăn tiền tại trước nhà Phường M, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do N quản lý, sử dụng. Hình thức chơi như sau:

- Đối với bài binh xập xám: sử dụng bộ bài tây 52 lá chia làm 04 tụ bài, mỗi tụ bài 13 lá chia làm 03 chi: chi đầu 05 lá, chi giữa 05 lá và chi cuối là 03 lá, người chơi sắp xếp mỗi chi bài theo quy ước từ mạnh đến yếu: thùng phá sảnh (05 lá bài liên tiếp cùng chất (cùng nước) với nhau, tứ quý (gồm 04 là bài giống nhau và 01 lá bài lẻ), cù lũ (gồm 03 lá bài giống nhau và 01 đôi), thùng (gồm 05 lá bài cùng chất), sảnh (gồm 05 lá bài liên tiếp), xám chi (gồm 03 lá giống nhau và 02 lá bài lẻ), thú (gồm 02 đôi và 01 lá lẻ), đôi (gồm 01 đôi và 03 lá lẻ), mậu thầu (gồm 05 lá bài không liên tiếp với nhau). Sau đó các con bạc so bài với nhau; mỗi chi thắng thua tính là 50.000 đồng/01 chi; ai thắng thì để tiền xâu vào 01 cái hộp đựng bài, mỗi lần 50.000 đồng.

- Đối với bài cào 6 lá (cào Ấn Độ): sử dụng bộ bài tây 52 lá để chơi bài cào 6 lá chia làm 2 chi, mỗi chi 3 lá, so sánh ăn thua điểm theo 02 chi, mỗi lần đặt cược từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, thắng thua đủ số tiền đặt cược. Khi

thắng từng cây thì Lê N N thu tiền xâu trực tiếp người làm cái từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng tuỳ theo cây đó thắng bao nhiêu người, nếu thua thì không đóng tiền xâu.

N tổ chức cho đến ngày 31/01/2023 (mùng 10 âm lịch) thì N nghỉ do mọi người đi làm và không còn ai chơi. Vào khoảng tháng 7/2023, Nguyễn Hà Q H4 đến liên hệ N để đặt máy bắn cá để ăn tiền thì N nói nhà N còn chỗ trống, N thỏa thuận cho H4 đặt máy tại nhà N và lợi nhuận chia đôi thì H4 đồng ý. Vào khoảng cuối tháng 8/2023, H4 đem máy đánh bạc gồm: 01 máy bắn cá loại máy cá chép dạng đứng 03 người chơi, 01 máy bắn cá loại máy cá tiên dạng đứng 04 người chơi, 01 máy đặt thú dạng đứng 04 người chơi, 01 máy tiên sắt dạng nằm 06 người chơi đặt tại nhà Phường M, Quận A (Nhà đứng tên chủ sở hữu của anh Lê N Đ nhờ N trông coi, quản lý). N thuê Liêu C L2 phụ trông coi máy và lên điểm cho khách. H4 và N thỏa thuận H4 sẽ qua kiểm tra máy 01 lần/01 tháng và chia tiền lợi nhuận thu được. Từ thời điểm đặt máy bắn cá đến khi bị Công an phát hiện thì H4 thường xuyên liên hệ hỏi N có khách đến chơi không thì N nói không có ai chơi, chỉ có một số người đến xem máy thôi nên từ lúc đặt máy H4 chưa nhận được tiền lợi nhuận từ N. Đến khoảng đầu tháng 8/2023, do không có tiền nên N mở lại sòng bạc với cách thức hoạt động như trước đây. N kêu L2 qua phụ N với nhiệm vụ là giữ xe cho con bạc đến chơi và cảnh giới, với tiền công 200.000 đồng/ngày thì L2 đồng ý. Tùy ngày thì N mở 02 sòng binh xập xám và bài cào 6 lá, có ngày thì chỉ có 01 sòng binh xập xám với 04 đến 05 con bạc chơi, bình quân mỗi ngày N thu lợi từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng/ngày. Thời gian hoạt động từ 12 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút hằng ngày; có ngày có chơi và có ngày không chơi, không liên tục.

Vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 21/9/2023, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an Quận A phối hợp cùng Công an Phường M, Quận A bắt quả tang Lê N N và Liêu C L2 đang tổ chức cho 09 đối tượng tham gia đánh bạc chia làm 02 sòng bài tại trước nhà Phường M, Quận A. Sòng bài thứ nhất là sòng bài cào 6 lá (cào Ấn Độ) có 05 người đang tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn Hữu A T1, Phạm T H1, Trần Thị T T2, Nguyễn T T3, Hồ Thị T D và 02 nam thanh niên (không rõ lai lịch). Sòng bài thứ hai là sòng bài binh xập xám gồm 04 người đang tham gia đánh bạc gồm: Nguyễn T L, Nguyễn V B, Trần N A và Lê N N. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận A để làm rõ.

Tại đây, các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc gồm:

- Lê N N khai nhận: Vào khoảng đầu tháng 8/2023, do không có tiền nên N mở lại sòng bạc dưới hình thức đánh bài cào Ấn Độ và binh xập xám thắng thua bằng tiền. N kêu L qua phụ N với nhiệm vụ là giữ xe cho con bạc đến chơi và cảnh giới, với tiền công 200.000 đồng/ngày. L đồng ý và mỗi ngày thường có sòng binh xập xám do khoảng 03-04 người, với mỗi chi 50.000 đồng/chi, ai thắng thì để tiền xâu vào 01 cái hộp đựng bài, mỗi lần 50.000 đồng; còn bài cào 6 lá (cào Ấn Độ) mỗi lần đặt cược từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, khi thắng

từng cây thì N thu tiền xâu trực tiếp từ người làm cái từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng tuỳ theo cây đó thắng bao nhiêu người, nếu thua thì không đóng tiền xâu. Tùy ngày thì N mở 02 sòng, có ngày thì chỉ có 01 sòng xập xám với 04 đến 05 con bạc chơi; bình quân mỗi ngày N thu lợi từ 500.000 đồng đến 700.000 đồng/ngày, thời gian hoạt động từ 12 giờ 00 phút đến 16 giờ 00 phút hằng ngày, có ngày có chơi và có ngày không chơi, không liên tục. Vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 21/9/2023, N đang cùng với Liêu C L tổ chức cho 02 sòng bài cào 6 lá (cào Ấn Độ) và binh xập xám tại trước nhà Phường M, Quận A thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang. Tính đến thời điểm bị bắt quả tang, N đã tổ chức đánh bạc được khoảng 20 ngày, thu lợi khoảng 12.000.000 đồng và tiêu xài hết.

- Liêu C L khai nhận: Vào khoảng giữa tháng 7/2023, L phụ việc như đưa đón con của N đi học và phụ việc xây nhà của N tại tỉnh Long An. Đến khoảng đầu tháng 8/2023, tại địa chỉ trước nhà Phường M, Quận A là nhà của N, N thuê Liêu C L phụ trông coi máy bắn cá và lên điểm cho khách. Đến khoảng đầu tháng 8/2023, do không có tiền nên N mở lại sòng bạc với cách thức hoạt động như trước đây. N kêu L qua phụ N với nhiệm vụ là giữ xe cho con bạc đến chơi và cảnh giới, với tiền công 200.000 đồng/ngày. L đồng ý, đến 16 giờ 15 phút ngày 21/9/2023, L cùng N đang tổ chức cho 02 sòng bài cào 6 lá (cào Ấn Độ) và binh xập xám tại trước nhà phường M , Quận A thì bị cơ quan Công an kiểm tra bắt quả tang.

Nhóm chơi bài cào 6 lá (cào Ấn Độ):

1. Nguyễn Hữu A T1 khai nhận: Ngày 21/9/2023, T1 đánh bài cào 6 lá (cào Ấn Độ) cùng với Phạm T H1, Trần Thị T T2, Nguyễn T T3 và 02 người nam (không rõ lai lịch). T1 tham gia làm cái chơi khoảng từ 7 đến 10 cây, thắng 06 cây và thua 2 cây. Thu giữ số tiền trên chiếu bạc của T1 là 5.000.000 đồng (tiền T1 thắng đánh bạc) và thu giữ tiền trên người của T1 số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó số tiền 5.000.000 đồng T1 dùng đánh bạc, còn lại số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, T1 khai không dùng vào mục đích đánh bạc. T1 chưa đưa tiền xâu cho Nhân.

2. Phạm T H1 khai nhận: Ngày 21/9/2023, H1 mang theo 4.600.000 đồng (trong đó số tiền 600.000 đồng H1 dùng đánh bạc, còn lại số tiền 4.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân) để đánh bài cào 6 lá (cào Ấn Độ) cùng Nguyễn Hữu A T1, Trần Thị T T2, Nguyễn T T3 và có 02 người nam (không rõ lai lịch). H1 chơi khoảng 7 đến 10 cây và hòa. Thu giữ số tiền trên chiếu bạc của H1 là 600.000 đồng và thu giữ trên người của H1 số tiền là 4.000.000 đồng, H1 khai không dùng vào mục đích đánh bạc.

3. Trần Thị T T2 khai nhận: Ngày 21/9/2023, T2 đánh bài cào 6 lá (cào Ấn Độ) cùng Nguyễn Hữu A T1, Phạm Thị H1, Nguyễn T T3 và có 02 người nam (không rõ lai lịch). T2 chơi khoảng 7 đến 10 cây thì thua hết 04 cây và ăn 02 cây. Đến 16 giờ 15 cùng ngày 21/9/2023, Công an Quận A ập vào bắt quả tang. Khi đi đánh bạc, T2 mang theo 3.300.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng

vào mục đích đánh bạc, thua 400.000 đồng. Thu giữ số tiền của T2 trên chiếu bạc là 600.000 đồng và thu giữ trên người của T2 số tiền là 2.300.000 đồng, số tiền này để tiêu xài cá nhân, T2 khai không dùng vào mục đích đánh bạc.

4. Nguyễn T T3 khai nhận: Ngày 21/9/2023, T3 đánh bài cào 6 lá (cào Ấn Độ) cùng Nguyễn Hữu A T1, Phạm Thị H1, Trần Thị T T2 và có 02 người nam (không rõ lai lịch). T3 chơi khoảng 7 đến 10 cây và thua 400.000 đồng. Lúc này, Hồ Thị T D đang lau dọn gần đó nên T3 rủ D đặt ké tụ của T3 1 cây 200.000 đồng. Khi đi đánh bạc, T3 mang theo 17.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Thu giữ số tiền của T3 trên chiếu bạc là 600.000 đồng và thu giữ trên người của T3 số tiền là 16.000.000 đồng, số tiền này T3 để tiêu xài cá nhân, T3 khai không dùng vào mục đích đánh bạc.

5. Hồ Thị T D khai nhận: Ngày 21/9/2023, D làm tạp vụ dọn dẹp nhà cửa tại địa chỉ Phường M, Quận A thì Nguyễn T T3 đang ngồi chơi bài cào 6 lá Ấn Độ cùng với 3 người khác thì có rủ D đặt ké tụ bài nên D đặt ké tụ của T3 200.000 đồng, sau khi vừa chia bài xong và chưa kịp xem cây bài đó thắng hay thua thì Công an Quận A bắt quả tang. Thời điểm kiểm tra, Công an thu giữ số tiền của D trên chiếu bạc là 200.000 đồng.

Riêng hai người thanh niên (không rõ lai lịch) đã bỏ chạy thoát khi Công an Quận A bắt quả tang.

- Nhóm chơi bài binh xập xám:

1. Lê N N khai nhận: Ngày 21/9/2023, N tham gia đánh bài binh xập xám cùng với Nguyễn T Liên, Nguyễn Văn Bửng, Trần Ngọc Ánh. Nhân chơi được 1 cây bài và thắng, đang chia cây thứ 2 thì bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang. Khi đi đánh bạc, Nhân mang theo 2.550.000 đồng dùng để đánh bạc và thắng được 150.000 đồng. Thời điểm kiểm tra, Công an thu giữ số tiền của Nhân trên chiếu bạc là 450.000 đồng và thu giữ trên người của Nhân số tiền là 2.250.000 đồng, số tiền trên Nhân dùng để đánh bạc.

2. Nguyễn T L khai nhận: Ngày 21/9/2023, L tham gia đánh bài binh xập xám cùng với Lê N N, Nguyễn V B, Trần N A1. L chơi được 1 cây bài và hòa, đang chia cây thứ 2 thì bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang. Thời điểm kiểm tra, Công an thu giữ số tiền trên chiếu bạc của L là 1.550.000 đồng và thu giữ trên người của L số tiền là 7.000.000 đồng, trong đó số tiền 3.000.000 đồng dùng để đánh bạc, số tiền 4.000.000 đồng dùng để tiêu xài cá nhân, không dùng vào mục đích đánh bạc.

3. Nguyễn V B khai nhận: Ngày 21/9/2023, B tham gia đánh bài binh xập xám cùng với Lê N N, Nguyễn T L, Trần N A. B chơi được 1 cây bài và thua, đang chia cây thứ 2 thì bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang. Khi đi đánh bạc, B mang theo 7.550.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, lấy trước 550.000 đồng để chơi và thua 50.000 đồng. Thời điểm kiểm tra, Công an thu giữ số tiền trên chiếu bạc của Bửng là 500.000 đồng và thu giữ trên

người của B số tiền là 7.000.000 đồng, trong đó số tiền 2.450.000 đồng B dùng để đánh bạc, còn lại 4.550.000 đồng để tiêu xài cá nhân, không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

4. Trần N A khai nhận: Ngày 21/9/2023, A tham gia đánh bài binh xập xám cùng với Lê N N, Nguyễn T L, Nguyễn V B. A chơi được 1 cây bài và thua, đang chia cây thứ 2 thì bị cơ quan Công an kiểm tra, bắt quả tang. Khi đi đánh bạc, A mang theo 700.000 đồng dùng để đánh bạc và thua 100.000 đồng. Thời điểm kiểm tra, Công an thu giữ số tiền trên chiếu bạc của A là 200.000 đồng và thu giữ trên người của A số tiền là 400.000 đồng dùng để đánh bạc.

Ngoài ra, các đối tượng liên quan đến máy bắn cá khai nhận:

- Hoàng X T8 khai nhận: Ngày 15/09/2023, T8 đến nhà Phường M, Quận A và được Liêu C L lên 50.000 điểm cho T8, tương đương số tiền 1.000.000 đồng. T8 vừa chơi hết điểm thì bị cơ quan Công an kiểm tra.

- Trần Q V khai nhận: Ngày 15/9/2023, V đến nhà Phường M, Quận A để xem bắn cá. Khi V đang đứng cạnh T8 xem bắn cá thì bị cơ quan Công an kiểm tra.

- Nguyễn Hà Q H2 khai nhận: Vào khoảng tháng 7/2023, H2 đến liên hệ Lê N N để đặt máy bắn cá ăn tiền thì N nói nhà N tại địa chỉ Phường M, Quận A còn chỗ trống. N thỏa thuận cho H2 đặt máy tại nhà Nhân và lợi nhuận chia đôi thì H2 đồng ý. Vào khoảng cuối tháng 8/2023, H2 đem 01 máy gồm: 01 máy bắn cá loại máy cá chép dạng đứng 03 người chơi, 01 máy bắn cá loại máy cá tiên dạng đứng 04 người chơi, 01 máy đặt thú dạng đứng 04 người chơi, 01 máy tiên sắt dạng nằm 06 người chơi đặt tại nhà Phường 16, Quận A. Nhân thuê Liêu C L2 phụ trông coi máy và lên điểm cho khách. H2 và N1 thỏa thuận H2 sẽ qua kiểm tra máy 01 lần/tháng và chia tiền lợi nhuận thu được. Từ thời điểm đặt máy bắn cá đến khi bị Công an phát hiện thì H2 thường xuyên liên hệ hỏi N1 có khách đến chơi không thì N1 nói không có ai chơi, chỉ có một số người đến xem máy nên từ lúc đặt máy H2 chưa nhận được tiền lợi nhuận từ N1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2025/HSST ngày 09/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân klhu vực S) đã quyết định:

1/ Căn cứ điểm a, điểm b, khoản 1, khoản 3 Điều 322 và khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Lê N N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn T L 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn V B 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

4/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Trần N A 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

5/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn Hữu A T1 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

6/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Phạm T H1 10 (mười) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

7/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Trần Thị T T2 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

8/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Nguyễn T T3 10 (mười) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

9/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Hồ Thị T D 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt đối với bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, phần án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2025, các bị cáo Lê N N, Nguyễn Hữu A T1, Phạm T H1, Nguyễn T L, Nguyễn T T3, Hồ Thị T D, Nguyễn V B, Trần N A kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Ngày 13/6/2025, bị cáo Trần Thị T T2 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận thực hiện hành vi như bản án sơ thẩm đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung, phân tích tính chất vụ án đã đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp trong trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo Nguyễn T L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin hoãn phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo Nguyễn T L không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét bị cáo bị cáo Lê N N đã có hành vi tổ chức cho nhiều đối tượng tham gia đánh bạc. Ngày 21/9/2023, bị cáo đã cùng Liêu C L2 (là người được N1 thuê để giữ xe và cảnh giới) tổ chức 02 chiếu bạc gồm bài cào 6 lá và bài binh xập xám, khi phát hiện có nhiều người tham gia đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Hữu A T1, Phạm T H1, Trần Thị T T2, Nguyễn T T3, Hồ Thị T D, thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào 6 lá với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là

7.000.000 đồng và số tiền thu giữ trên người của các con bạc dùng để đánh bạc là 5.000.000 đồng, cụ thể: thu giữ số tiền trên chiếu bạc của Nguyễn Hữu A T1 là 5.000.000 đồng (tiền T1 thắng đánh bạc) và thu giữ tiền trên người của T1 số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng T1 thừa nhận dùng để đánh bạc, T1 là nhà cái. Thu giữ số tiền trên chiếu bạc của Phạm T H1 là 600.000 đồng (H1 chơi khoảng 7 đến 10 cây và hòa, số tiền thu được trên người bị cáo không thừa nhận dùng vào việc đánh bạc). Thu giữ số tiền của Trần Thị T T2 trên chiếu bạc là 600.000 đồng (T2 chơi khoảng 7 đến 10 cây thì thua hết 04 cây và ăn 02 cây, T2 sử dụng 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, thua 400.000 đồng). Thu giữ số tiền của Nguyễn T T3 trên chiếu bạc là 600.000 đồng (T3 chơi khoảng 7 đến 10 cây sử dụng 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, thua 400.000 đồng). Hồ Thị T3 Đài đặt ké tụ bài của T3 200.000 đồng, sau khi vừa chia bài xong và chưa kịp xem cây bài đó thắng hay thua thì Công an Quận A bắt quả tang. Thời điểm kiểm tra, Công an thu giữ số tiền của Đ trên chiếu bạc là 200.000 đồng. Bị cáo Lê N N ngoài tổ chức đánh bạc còn trực tiếp tham gia hành vi đánh bạc với các bị cáo khác gồm Nguyễn T L, Nguyễn V B, Trần N A dưới hình thức đánh bài binh xập xám, với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 2.700.000 đồng và số tiền thu giữ trên người của các con bạc dùng để đánh bạc là 8.100.000 đồng.Trong đó: số tiền của Nhân trên chiếu bạc được xác định là 450.000 đồng và thu giữ trên người của Nhân số tiền là 2.250.000 đồng, số tiền trên N1 dùng để đánh bạc. Số tiền thu giữ số tiền trên chiếu bạc của L1 được xác định là 1.550.000 đồng và số tiền dùng để đánh bạc thu giữ trên người của L1 là 3.000.000 đồng. Số tiền trên chiếu bạc của B được xác định là 500.000 đồng và số tiền dùng để đánh bạc thu giữ trên người của B là 2.450.000 đồng. Số tiền trên chiếu bạc của Ánh được xác định là 200.000 đồng và số tiền dùng để đánh bạc thu giữ trên người của A là 400.000 đồng. Do vậy, Tòa án nhân dân dân Quận B (nay là Tòa án nhân dân khu vực S) đã xét xử bị cáo Lê N N về tội "Tổ chức đánh bạc" và "Đánh bạc"". theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Hữu A T1; Phạm T H1; Trần Thị T T2; Nguyễn T T3; Hồ Thị T D; Nguyễn T L; Nguyễn V B về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Thị T D cung cấp bản sao Bằng tổ quốc ghi công Liệt sĩ Hồ Văn B, bị cáo Nguyễn T T3 cung cấp xác nhận có mẹ là thương binh, chồng công tác xa. Các bị cáo khác trình bày hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Hồ Thị T D và bị cáo Nguyễn T T3 là thân nhân người có công nên coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do vậy; Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê N N, Nguyễn Hữu A T1; Phạm T H1; Trần Thị T T2; Nguyễn T T3; Nguyễn T L và Nguyễn V B giảm một phần hình phạt tù cho các bị cáo nhưng không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo. Đối với bị cáo Hồ

Thị T D đang dọn dẹp vệ sinh tại cửa nhà Số M đường A do bị rủ rê nên đã thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền không lớn (200.000 đồng) nên chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Trang Đ, giảm nhẹ hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là phù hợp.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B (nay là Tòa án khu vực S), Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Những lập luận trên là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến của các bị cáo và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê N N, Nguyễn Hữu A T1, Phạm T H1, Trần Thị T T2, Nguyễn T T3, Nguyễn T L, Nguyễn V B và Trần N A. Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Hồ Thị T D.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 113/2025/HS-ST, ngày 03/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận B (nay là Tòa án nhân dân khu vực S), Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1 Căn cứ điểm a, b khoản 1, 3 Điều 322 và khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê N N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" và 01 (một) năm tù về tội "Đánh bạc". Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 21/9/2023 đến ngày 27/9/2023.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.2 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn T L 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.3 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn V B 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.4 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần N A 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.5 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu A T1 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.6 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm T H1 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.7 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thị T T2 09 (chín) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.8 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn T T3 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

1.9 Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Hồ Thị T D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc". Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hồ Thị T D cho Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo phải thực

hiện các nghĩa vụ của người được hưởng án treo trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hồ Thị T D cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trường hợp bị cáo Hồ Thị T D thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

2. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Hồ Thị T D)

Nơi nhận:
- TANDTC; (1)
- VKSNDTC; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND KVM; (1)
- P.PC 53 – CA Tp.HCM; (1)
- Thi hành án dân sự Tp.HCM (1)
- Phòng thi hành án KVM; (1)
- Các bị cáo; (9)
- TAND KVM; (1)
- Công an Tp. HCM (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (9)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (34) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thương Huyền